

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - PT

Ngày: 20/6/2018

“V/v tranh chấp về ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn
và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Thị Hậu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố TV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Mỹ Ch, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Sâm B, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Sơn Ngọc H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 7, phường 8, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị 1, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, phường 8, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

4/ Người kháng cáo: Anh Sơn Ngọc H;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ Ch trình bày:* Vào ngày 20/01/2016, do mai mối tôi và anh H đi đến kết hôn với nhau. Khi kết hôn chúng tôi có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn tôi về sống bên nhà chồng tại khóm 7, phường 8, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Tôi vẫn tiếp tục đi làm ở công ty CHEERS, nhưng mẹ chồng tôi không thương tôi và rất khó khăn với tôi, chồng tôi thì đi nói với người ngoài chuyện quan hệ vợ chồng, tôi đã cố gắng chỉ được một tháng 15 ngày và tôi thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đã về

nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay và làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung chúng tôi chưa có con chung. Về tài sản chung: Vàng cưới bên chồng cho 06 (sáu) chỉ vàng 24k, hai vợ chồng tôi mua 04 (bốn) chỉ vàng 24k, mẹ ruột tôi cho 01 (một) chỉ vàng 24k, tổng cộng 11 (mười một) chỉ vàng 24k gồm: 01 đôi bông 01 (một) chỉ vàng 24k, một dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 24k, một nhẫn 01 (một) chỉ vàng 24k, 03 nhẫn 02 (hai) chỉ vàng 24k. Tôi đi làm nên gửi mẹ chồng cất dùm nhưng khi cần đeo hỏi mẹ chồng lấy lại thì mẹ chồng không cho. Hiện nay mẹ chồng tôi giữ của tôi 11 (mười một) chỉ vàng 24k vàng cưới, vàng cha mẹ tôi cho và vàng tôi mua. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân tôi xin được ly hôn với anh Sơn Ngọc H. Về tài sản chung tôi yêu cầu mẹ chồng tôi trả lại cho vợ chồng tôi 11 (mười một) chỉ vàng 24k, tôi yêu cầu chia đôi số vàng trên mỗi người 5,5 (năm phẩy năm) chỉ vàng 24k. Về con chung không có. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Sơn Ngọc H trình bày:* Thống nhất với chị Ch về quan hệ hôn nhân, về con chung. Đối với tài sản chung 11 (mười một) chỉ vàng 24k thì anh H đã trả lại cho mẹ anh H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, còn lại 05 (năm) chỉ vàng 24k do chị Ch bỏ đi gần hai năm nay nên anh H đã tiêu xài hết. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý vì chị Ch là người tự ý bỏ đi nên chị Ch phải tự chịu. chị Ch bỏ đi đã hai năm nay nên anh H cũng không biết chị Ch có chung thủy với ông hay không nên ông cũng không muốn chị Ch về chung sống với ông. Về quan hệ hôn nhân anh H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung không có. Về tài sản chung ông đã trả cho mẹ ông 06 (sáu) chỉ vàng 24k, còn lại 05 (năm) chỉ vàng 24k ông đã tiêu xài hết, về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị l trình bày:* Vào năm 2016, bà L có tổ chức đám cưới cho con là Sơn Ngọc H cưới Thạch Thị Mỹ Ch. Quá trình chung sống vợ chồng anh H không hạnh phúc. Sống với nhau được khoảng một tháng rưỡi thì con chị Ch tự ý bỏ nhà đi mất. Về quan hệ hôn nhân của anh H thì bà L không có ý kiến gì. Về tài sản chung của vợ chồng anh H thì khi cưới bà có cho 06 (sáu) chỉ vàng 24k, bên thông gia cho 01 (một) chỉ vàng 24k và họ hàng hai bên cho tiền cưới mua được 04 (bốn) chỉ vàng 24k, tổng cộng 11 (mười một) chỉ vàng 24k do bà L cất giữ. Nay chị Ch yêu cầu chia số vàng này thì bà không đồng ý vì chị Ch tự ý bỏ đi thì phải chịu mất số tài sản này và còn phải bồi thường tiền cưới 20.000.000 đồng nhà trai bỏ ra chi phí tiệc cưới và các thứ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Thạch Thị Mỹ Ch được ly hôn với anh Sơn Ngọc H.

- **Về con chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Buộc anh Sơn Ngọc H trả cho chị Thạch Thị Mỹ Ch 5,5 (năm phẩy năm) chỉ vàng 24k loại vàng 9999, anh H được hưởng 5,5 (năm phẩy năm) chỉ vàng 24k loại vàng 9999.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần về án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật

Ngày ngày 11/4/2018 anh Sơn Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc anh phải chia cho chị Ch số vàng 5,5 chỉ vàng 24k và xem xét lại phần chi phí gia đình anh đã tổ chức hỏi cưới là 20.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và cũng không cung cấp chứng cứ nào mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện chị Ch có yêu cầu bà L trả 11 chỉ vàng 24k để vợ chồng chị Cha, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung là chưa thụ lý giải quyết hết yêu cầu của đương sự. Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H, chị Ch và bà L đều thừa nhận 11 chỉ vàng 24k tranh chấp trong vụ án này là tài sản chung của anh H và chị Ch có được trong thời kỳ hôn nhân, nên án sơ thẩm xét xử chia đôi mỗi người 5,5 chỉ vàng 24k là đúng. Nhưng số vàng nói trên sau ngày cưới chị Ch đã gửi cho bà L cất giữ. Án sơ thẩm không buộc bà L giao trả vàng được chia cho chị Ch mà buộc anh H thanh toán cho chị Ch là không đúng. Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần 20.000.000đồng tiền bên họ nhà trai đưa cho họ nhà gái làm đám cưới, tại cấp sơ thẩm anh H không có đơn yêu cầu, nên không có cơ sở xem xét đối với yêu cầu này. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà L thanh toán số vàng trên cho chị Ch, đối với yêu cầu 20.000.000đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này, bổ sung quan hệ tranh chấp pháp luật được giải quyết là đòi lại tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của anh Sơn Ngọc H còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Sơn Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh H và chị Ch trình bày khớp với nhau. Khi kết hôn mẹ ruột anh H là bà L tặng cho anh chị 06 chỉ vàng 24k, mẹ chị Ch cho 01 chỉ vàng 24k và trong ngày cưới bà con hai họ tặng cho tiền hai người mua được 04 chỉ vàng 24k. Tổng cộng là được 11 chỉ vàng

24k. Theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình tài sản của vợ chồng được tặng cho chung là tài sản chung của vợ chồng, đối chiếu với quy định này án sơ thẩm xác định 11 chỉ vàng nêu trên là tài sản chung của anh H, chị Ch là đúng. anh H và chị Ch cũng thừa nhận vàng đó là tài sản chung của hai người. chị Ch cho rằng sau kết hôn được 8 ngày chị gửi hết 11 chỉ vàng cho mẹ chồng (bà Liêng) cất giữ. bà L thừa nhận chị Ch đưa vàng cho bà cất giữ đúng như lời trình bày của chị Ch, anh H cũng thừa nhận như vậy. anh H còn cho rằng lúc hai người mâu thuẫn sống ly thân nhau anh đã lấy vàng tiêu xài hết 5 chỉ, còn 06 chỉ mẹ anh quản lý, tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L thừa nhận bà quản lý vàng này của vợ chồng anh H.

Tòa án sơ thẩm chia đôi số vàng trên cho anh H và chị Ch mỗi người 5,5 chỉ vàng là hợp lý, nhưng khi quyết định trách nhiệm thanh toán thì buộc anh H thanh toán cho chị Ch 5,5 chỉ vàng là không sát thực, vì như nhận định trên anh H đã lấy 05 chỉ vàng trong số vàng của chung tiêu xài hết còn lại 06 chỉ bà L quản lý, coi như phần của anh H anh đã sử dụng 05 chỉ, còn 06 chỉ bà L quản lý. Do đó cần sửa phần quyết định này của án sơ thẩm, phần của chị Ch, buộc bà L phải có trách nhiệm giao trả cho chị Ch 5,5 chỉ vàng theo yêu cầu của chị Ch mới hợp lý, còn 0,5 chỉ vàng phần của anh H, bà L quản lý, anh H không yêu cầu bà L thanh toán, nên Tòa án không giải quyết.

Riêng đối với yêu cầu của anh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần 20.000.000 đồng tiền đưa cho bên chị Ch tổ chức đám cưới, đây là tiền sính lễ bên nhà trai đưa cho nhà gái để nhà gái tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nên bên nhà gái không phải trả cho bên nhà trai số tiền này. Mặt khác tại cấp sơ thẩm anh H cũng không có yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không thỏa mãn yêu cầu của anh H.

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Ch trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch có yêu cầu bà L trả 11 chỉ vàng 24k mà chị đã gửi bà cất giữ, tuy nhiên khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “xin ly hôn và chia tài sản chung” là còn thiếu quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản. Nhưng việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có thể bổ sung được. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát phúc thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận

[4] Về án phí: Anh Sơn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Trương Thị I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Sơn Ngọc H

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, về việc “Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

Áp dụng các Điều 33, 51; 53; 56; 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trương Thị 1 phải trả lại cho chị Thạch Thị Mỹ Ch 5,5 chỉ vàng 24k loại vàng 98%. bà L còn quản lý của anh H 0,5 chỉ vàng 24k, anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* **Về án phí:** Buộc bà Trương Thị 1 phải nộp 1.017.500 (một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Sơn Ngọc H phải nộp dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh Sơn Ngọc H số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016804 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP.TV;
- CCTHADS TP.TV;
- VKSND TP.TV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự